



NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày 9 tháng 7 năm 2025

## THƯ MỜI THẦU

Kính gửi: Quý công ty

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) tổ chức đấu thầu gói thầu: “**Trang bị thay thế thiết bị hệ thống kiểm soát mạng nội bộ Forescout - NAC**”. Trân trọng kính mời Quý Công ty tham dự cung cấp hàng hóa cho gói thầu nêu trên.

Quý Công ty có thể tìm hiểu thêm các thông tin cần thiết trong Hồ sơ mời thầu kèm theo.

Hồ sơ dự thầu được đóng thùng kín có niêm phong và gửi đến địa chỉ Trung tâm Mua sắm, Tầng 3, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Toà nhà 81 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội.

Thời gian nộp hồ sơ dự thầu: trước 15h00 ngày 18 tháng 7 năm 2025.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ông Nguyễn Ngọc Cầu - Phòng Đấu thầu - Trung tâm Mua sắm

Điện thoại liên hệ: 0977901188.

Trân trọng./.

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN HÀ NỘI



Đào Ngọc Dũng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**HỒ SƠ MỜI THẦU**

**GÓI THẦU**  
**TRANG BỊ THAY THỂ THIẾT BỊ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT MẠNG NỘI BỘ**  
**FORESCOUT - NAC**

*Hà Nội, ngày 9 tháng 7 năm 2025*

**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN HÀ NỘI**



*Đào Ngọc Dũng*

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

|          |                                                                      |
|----------|----------------------------------------------------------------------|
| BDL      | Bảng dữ liệu đấu thầu                                                |
| HSMT     | Hồ sơ mời thầu                                                       |
| HSDT     | Hồ sơ dự thầu                                                        |
| VND      | Đồng Việt Nam                                                        |
| SHB      | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội                                      |
| Hàng hóa | Là các thiết bị phần cứng và dịch vụ triển khai theo yêu cầu của SHB |

**PHẦN I**  
**YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẦU THẦU**

**CHƯƠNG I**  
**CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU**

**A. TỔNG QUÁT**

**Mục 1. Nội dung đấu thầu**

1. SHB mời nhà thầu tham gia đấu thầu để cung cấp thiết bị hệ thống kiểm soát mạng nội bộ Forescout - NAC (sau đây gọi tắt là "hàng hóa"), tên gói thầu được mô tả trong BDL.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng được quy định trong BDL.

3. Thông tin chủ đầu tư, nơi nhận hồ sơ dự thầu.

Chi tiết theo bảng DL

**Mục 2. Nguồn vốn**

Nguồn vốn để thực hiện gói thầu được quy định trong BDL.

**Mục 3. Điều kiện tham gia đấu thầu**

1. Có tư cách hợp lệ như quy định trong BDL;

2. Chỉ được tham gia trong một HSDT với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên trong đó quy định rõ thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu;

3. Đáp ứng yêu cầu của SHB nêu trong thông báo mời thầu;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu như quy định trong BDL.

**Mục 4. Tính hợp lệ của hàng hóa**

1. Tất cả các hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

2. Xuất xứ của hàng hóa được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa được khai thác, trồng, canh tác, sản xuất, chế tạo hoặc tại đó thông qua việc chế biến, lắp ráp, chế tạo bổ sung để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại nhưng có sự khác biệt đáng kể về bản chất so với các chi tiết cấu thành nó.

## **Mục 5. Chi phí dự thầu**

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia đấu thầu, kể từ khi nhận HSMT cho đến khi thông báo kết quả đấu thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

## **Mục 6. HSMT và giải thích làm rõ HSMT**

1. HSMT bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSMT này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMT để chuẩn bị HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMT thì phải gửi văn bản đề nghị đến SHB theo địa chỉ và thời gian ghi trong BDL (nhà thầu có thể thông báo trước cho SHB qua fax, e-mail...). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMT theo thời gian quy định trong BDL, SHB sẽ có văn bản trả lời và gửi cho tất cả các nhà thầu nhận HSMT.

3. Trong trường hợp cần thiết, SHB tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được SHB ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT gửi cho tất cả nhà thầu nhận HSMT.

## **Mục 7. Sửa đổi HSMT**

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi cung cấp hoặc điều chỉnh yêu cầu nào đó, SHB sẽ tiến hành sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDT nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSMT tới tất cả các nhà thầu nhận HSMT trước thời điểm đóng thầu một số ngày nhất định được quy định trong BDL. Tài liệu này là một phần của HSMT. Nhà thầu phải thông báo cho SHB bằng văn bản hoặc fax là đã nhận được các tài liệu sửa đổi đó. Trường hợp nhà thầu thông báo bằng fax thì sau đó bản gốc phải được gửi đến SHB trước thời điểm đóng thầu.

## **B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU**

### **Mục 8. Ngôn ngữ sử dụng**

Ngôn ngữ được sử dụng trong các tài liệu của HSDT là tiếng Việt. Các tài liệu sử dụng ngôn ngữ khác phải có bản dịch sang tiếng Việt và bản tiếng Việt là cơ sở pháp lý trong HSDT (tài liệu sử dụng các ngôn ngữ khác chỉ có tính chất tham khảo). Đối với Catalog và các tài liệu kỹ thuật khác có thể sử dụng bằng tiếng Anh.

### **Mục 9. Nội dung HSDT**

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm 01 bản gốc + 01 bản sao, các HSDT được lưu dưới dạng điện tử bằng định dạng words và được lưu trong (01) USB. Trong trường hợp có mâu

thuần, bản gốc có giá trị quyết định., được đóng niêm phong theo quy định tại mục 19 của HSMT, bao gồm các nội dung sau :

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 Chương này;
2. Giá dự thầu và biểu giá, đồng tiền dự thầu theo quy định tại Mục 12 và 13 Chương này;
3. Bảng tổng hợp thông số kỹ thuật theo điểm B2, chương IV, Phần II, HSMT.
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 14 Chương này;
5. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự đáp ứng của hàng hóa theo quy định tại Mục 15 Chương này;
6. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 16 Chương này.

#### **Mục 10. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu**

Trường hợp nhà thầu cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua HSMT thì phải thông báo bằng văn bản tới SHB. SHB chỉ xem xét khi nhận được văn bản thông báo này trước thời điểm đóng thầu. Việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu được thực hiện khi có chấp thuận của SHB trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp không chấp thuận việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu của nhà thầu thì SHB sẽ nêu rõ lý do bằng văn bản.

#### **Mục 11. Đơn dự thầu**

Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ). Trường hợp ủy quyền, nhà thầu gửi kèm theo giấy ủy quyền để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

#### **Mục 12. Giá dự thầu và biểu giá**

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn dự thầu thuộc HSDT sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết theo điều 6 BDL - HSMT

2. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo nộp trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDT thì nhà thầu phải thông báo cho SHB trước hoặc tại thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể trong biểu giá. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho từng hạng mục trong biểu giá.

3. Nhà thầu phải điền đầy đủ các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục hàng hóa và tổng giá dự thầu. Trong mỗi biểu giá, nhà thầu phải ghi rõ các yếu tố

cấu thành giá chào theo quy định trong BDL, biểu giá chi tiết theo quy định tại Điều II, chương V, Phần III, HSMT.

### **Mục 13. Đồng tiền dự thầu**

Giá dự thầu sẽ được chào bằng đồng tiền được quy định trong BDL.

### **Mục 14. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu**

1. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như quy định trong BDL.
2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu như quy định trong BDL.
3. Các hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện được cung cấp cho SHB theo yêu cầu quy định trong BDL;

### **Mục 15. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự đáp ứng của hàng hóa.**

1. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu theo quy định trong BDL để chứng minh hàng hóa được cung cấp là đáp ứng yêu cầu của HSMT
2. Các tài liệu khác được quy định trong BDL.

### **Mục 16. Bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Khi tham gia đấu thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định trong BDL.
2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ và thời gian quy định trong HSMT, không đúng tên nhà thầu, không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo lãnh của ngân hàng).
3. Nhà thầu không trúng thầu sẽ được hoàn trả bảo đảm dự thầu trong thời gian quy định trong BDL. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu được hoàn trả sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.
4. Bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả và xử lý theo quy định của pháp luật trong các trường hợp sau đây:
  - a) Nhà thầu rút HSDT sau khi đóng thầu mà HSDT vẫn còn hiệu lực;
  - b) Trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu của SHB mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng;

c) Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi ký hợp đồng hoặc trước khi hợp đồng có hiệu lực.

**5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng quy định trong BDL để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

**Mục 17. Thời gian có hiệu lực của HSDT**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT phải đảm bảo như quy định trong BDL và được tính từ thời điểm đóng thầu; HSDT có thời gian có hiệu lực ngắn hơn bị coi là không hợp lệ và bị loại.

2. SHB có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT nhưng không quá 30 ngày, kèm theo việc yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu.

**Mục 18. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một số bản sao HSDT được quy định trong BDL và ghi rõ "bản gốc" và "bản sao" tương ứng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản sao và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu SHB phát hiện bản sao có lỗi kỹ thuật như nhoè, không rõ chữ, thiếu trang... thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp bản sao có nội dung sai khác so với bản gốc thì tùy theo mức độ sai khác, SHB sẽ quyết định xử lý cho phù hợp, chẳng hạn sai khác đó là không cơ bản, không làm thay đổi bản chất của HSDT thì được coi là lỗi chấp nhận được; nhưng nếu sai khác đó làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT so với bản gốc thì bị coi là gian lận, HSDT sẽ bị loại.

2. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá, biểu giá chào và các văn bản bổ sung làm rõ HSDT của nhà thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký ở bên cạnh của người ký đơn dự thầu và được đóng dấu (nếu có).

## **C. NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU**

### **Mục 19. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT**

1. HSDT phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT được quy định trong BDL.

2. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của SHB được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. Nhà thầu nên đóng gói tất cả các tài liệu của HSDT vào cùng một túi. Trường hợp cần đóng gói thành nhiều túi nhỏ để dễ vận chuyển thì trên mỗi túi phải ghi rõ số thứ tự từng túi trên tổng số túi để đảm bảo tính thống nhất và từng túi cũng phải được đóng gói, niêm phong và ghi theo đúng quy định.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới SHB, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 mục này. SHB sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn tại khoản 1, khoản 2 mục này.

### **Mục 20. Thời hạn nộp HSDT**

1. HSDT do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của SHB nhưng phải đảm bảo SHB nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định trong BDL.

2. SHB có thể gia hạn thời hạn nộp HSDT (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDT hoặc khi sửa đổi HSMT theo Mục 7 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi SHB xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDT, SHB thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã nộp HSDT, trong đó ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu sửa lại thời gian có hiệu lực của HSDT và bảo đảm dự thầu nếu thấy cần thiết. Nhà thầu có thể nhận lại và chỉnh sửa HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì SHB quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.

### **Mục 21. HSDT nộp muộn**

Bất kỳ tài liệu nào thuộc HSDT kể cả thư giảm giá (nếu có) mà SHB nhận được sau thời điểm đóng thầu đều được coi là không hợp lệ và được gửi trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng, trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của SHB.

## **Mục 22. Sửa đổi hoặc rút HSDT**

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDT đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và SHB chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị rút HSDT phải được gửi riêng biệt với HSDT.

## **D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU**

### **Mục 23. Mở thầu**

1. Việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo ngày, giờ, địa điểm quy định trong BDL trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời. SHB có thể mời đại diện của các cơ quan có liên quan đến tham dự lễ mở thầu.

2. SHB tiến hành mở lần lượt HSDT của từng nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như nhà thầu không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới SHB, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn. HSDT của nhà thầu có văn bản xin rút HSDT đã nộp (nộp riêng biệt với HSDT và SHB nhận được trước thời điểm đóng thầu) và HSDT của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Việc mở HSDT của từng nhà thầu được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Yêu cầu đại diện từng nhà thầu tham dự mở thầu xác nhận việc có hoặc không có thư giám giá kèm theo hồ sơ dự thầu của mình.

b) Kiểm tra niêm phong HSDT;

c) Mở HSDT và đọc các thông tin về:

- Tên nhà thầu;
- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;
- Thời gian có hiệu lực của HSDT;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Giám giá (nếu có);
- Giá trị, thời hạn hiệu lực và biện pháp bảo đảm dự thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Các thông tin khác có liên quan.

4. Biên bản mở thầu: Các thông tin nêu tại Điểm c Khoản 3 mục này phải được ghi trong biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của SHB và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Bản chụp Biên bản mở thầu được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu.

#### **Mục 24. Làm rõ HSDT**

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung về đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Tất cả các tài liệu này (nếu có) phải được đóng tập và thực hiện như đối với HSDT (ký tên, chứng thực, số bản gốc, số bản sao,...). Thời gian cho phép nhà thầu tự gửi hồ sơ bổ sung này không quá 07 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

Bên mời thầu sẽ tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ hợp lệ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của hồ sơ dự thầu.

3. Việc làm rõ hồ sơ dự thầu chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

#### **Mục 25. Đánh giá sơ bộ HSDT**

##### **I. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu:**

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu.

##### **II. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:**

##### **1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT, gồm:**

##### **a. Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp của hồ sơ dự thầu.**

b. Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu, bao gồm: Đơn dự thầu, thoả thuận liên danh (nếu có), giấy uỷ quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật, đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc hồ sơ dự thầu;

c. Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

**2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:**

a. Có bản gốc hồ sơ dự thầu;

b. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về mặt kỹ thuật; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá trị dự thầu ghi trong biểu tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho SHB, bên mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thoả thuận liên danh.

c. Hiệu lực của hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

d. Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu; đối với bảo đảm dự thầu theo hình thức thư bảo lãnh ngân hàng thì phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng tại Việt Nam ký tên, đóng dấu và đảm bảo thời gian hiệu lực và giá trị bảo đảm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

đ. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).

e. Có thoả thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu.

f. Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

h. Tính hợp lệ, sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hoá theo quy định tại Mục 4 và Mục 15 HSMT;

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1**

**3. Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định tại Chương III**

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2**

## **Mục 26. Đánh giá về mặt kỹ thuật**

SHB tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật các HSDT đã vượt qua bước đánh giá sơ bộ trên cơ sở các yêu cầu của HSMT và TCDG nêu tại Chương III. Các HSDT đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật sau khi được phê duyệt mới được xác định giá đánh giá.

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3**

## **Mục 27. Xác định giá đánh giá**

SHB xác định giá đánh giá của các HSDT theo trình tự sau đây: xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch sang một đồng tiền chung (nếu có); đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá. Trường hợp có thư giảm giá thì SHB sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá trị thầu ghi trong đơn. Giá đánh giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác để so sánh, xếp hạng HSDT. Các yếu tố để xác định giá đánh giá được nêu tại Chương III HSMT.

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4**.

## **Mục 28. Sửa lỗi**

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học, lỗi khác và được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Đối với lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác:

- Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi;

- Trường hợp không nhất quán giữa bảng giá tổng hợp và bảng giá chi tiết thì lấy bảng giá chi tiết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi.

b) Đối với các lỗi khác:

- Cột thành tiền được điền vào mà không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng;

- Khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá;

- Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường

hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục 29 Chương này.

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam.

2. Sau khi sửa lỗi theo nguyên tắc trên, SHB sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu. Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho SHB về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại. Trường hợp HSDT có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu cũng sẽ bị loại. Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa.

## **Mục 29. Hiệu chỉnh các sai lệch**

1. Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong HSDT so với yêu cầu của HSMT cũng như điều chỉnh những khác biệt giữa các phần của HSDT; giữa đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính; giữa con số và chữ viết; giữa nội dung trong đơn dự thầu và các phần khác của HSDT. Việc hiệu chỉnh các sai lệch được thực hiện như sau:

a) Trường hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, phần chào thừa sẽ được trừ đi theo nguyên tắc nếu không thể tách ra trong giá dự thầu của nhà thầu đang tiến hành sửa sai lệch thì lấy mức giá chào cao nhất đối với nội dung này (nếu chào thiếu) và lấy mức giá chào thấp nhất (nếu chào thừa) trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật. Trong trường hợp các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật cũng không có hoặc chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật thì tiến hành sửa sai lệch trên cơ sở lấy mức giá của nhà thầu này (nếu có) hoặc của các HSDT hoặc trong dự toán, tổng dự toán hoặc trong giá gói thầu được duyệt theo nguyên tắc lấy mức giá cao nhất (đối với chào thiếu) hoặc thấp nhất (đối với chào thừa) để áp dụng cho các nội dung nêu trên;

b) Trường hợp có sai lệch giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở pháp lý cho việc hiệu chỉnh sai lệch;

c) Trường hợp không nhất quán giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc hiệu chỉnh sai lệch;

d) Trường hợp có sự sai khác giữa giá ghi trong đơn dự thầu (không kể giảm giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì được coi đây là sai lệch và việc hiệu chỉnh sai lệch này được căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi được hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết.

2. HSDT có sai lệch với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu sẽ bị loại. Giá trị các sai lệch được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi hiệu chỉnh sai lệch.

## **E. TRÚNG THẦU**

**Mục 30. Điều kiện được xem xét trúng thầu:** Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của HSMT;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu (Theo mục 29 HSMT);
5. Có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá (nếu có) thấp nhất .

### **Mục 31. Quyền của bên mời thầu được chấp nhận, loại bỏ bất kỳ hoặc tất cả các HSDT**

Bên mời thầu được quyền đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu trên cơ sở tuân thủ Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

### **Mục 32. Thông báo kết quả đấu thầu**

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, SHB gửi văn bản thông báo kết quả đấu thầu cho các nhà thầu tham dự thầu (bao gồm cả nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu). Trong thông báo kết quả đấu thầu, SHB không giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu.

### **Mục 33. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng**

Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng được thực hiện như sau:

1. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng căn cứ theo các nội dung sau:

- Kết quả đấu thầu được duyệt;
- Dự thảo hợp đồng đã được điền đầy đủ thông tin cụ thể của gói thầu;
- Các yêu cầu nêu trong HSMT;
- Các nội dung nêu trong HSDT và giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- Các nội dung cần được thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa SHB và nhà thầu trúng thầu.

2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại BDL, nhà thầu trúng thầu phải gửi cho SHB thư chấp thuận thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu SHB không nhận được thư chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối thương thảo, hoàn thiện hợp

đồng thì bảo đảm dự thầu của nhà thầu này sẽ bị xử lý theo quy định tại Mục 16. Đồng thời, SHB sẽ báo cáo đến cấp có thẩm quyền quyết định hủy kết quả đấu thầu trước đó và xem xét, quyết định nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu để mời vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được SHB yêu cầu gia hạn hiệu lực HSDT và bảo đảm dự thầu nếu cần thiết.

3. Nội dung thương thảo, hoàn thiện hợp đồng bao gồm các vấn đề còn tồn tại, chưa hoàn chỉnh, đặc biệt là việc áp giá đối với những sai lệch trong HSDT trên nguyên tắc đảm bảo giá ký hợp đồng không vượt giá trúng thầu được duyệt. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng cũng bao gồm cả việc nghiên cứu các sáng kiến, giải pháp do nhà thầu đề xuất, phương án thay thế (nếu có yêu cầu), chi tiết hoá các nội dung còn chưa cụ thể, ...

4. Sau khi đạt được kết quả thương thảo, hoàn thiện, SHB và nhà thầu sẽ tiến hành ký hợp đồng.

## CHƯƠNG II

### BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

*Bảng dữ liệu đầu thầu bao gồm các nội dung chi tiết của gói thầu theo một số Điều tương ứng trong Chương I (Chỉ dẫn đối với nhà thầu). Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào so với các nội dung tương ứng trong Chương I thì căn cứ vào các nội dung trong Chương này.*

| Mục | Khoản | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 1     | Tên gói thầu: “Trang bị thay thế thiết bị hệ thống kiểm soát mạng nội bộ Forescout - NAC”.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|     | 2     | Thời gian thực hiện hợp đồng: tối đa 6 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     | 3     | <b>Chủ đầu tư:</b> Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)<br>Địa chỉ trụ sở: Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành Phố Hà Nội.<br>Mã số thuế: 1800278630<br><b><u>Nơi nhận hồ sơ dự thầu:</u></b><br>TRUNG TÂM MUA SẮM, số 81 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành Phố Hà Nội.<br>Người liên hệ: Mr Nguyễn Ngọc Cầu<br>Điện thoại: 0977.901.188                                                                                                                                                                                                                                        |
| 2   |       | Nguồn vốn thực hiện gói thầu: Nguồn vốn tự có của SHB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 3   | 1     | Tư cách hợp lệ của nhà thầu: Nhà thầu phải có đủ các điều kiện sau : <ul style="list-style-type: none"><li>- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp;</li><li>- Hạch toán tài chính độc lập;</li><li>- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;</li><li>- Không chào giá dự thầu theo nhiều mức giá khác nhau hoặc kèm điều kiện gây bất lợi cho SHB.</li><li>- Không thuộc diện bị cấm tham gia đấu thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu.</li></ul> |
|     | 4     | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: Nhà thầu tham gia đấu thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính với SHB (Trường hợp liên danh thì từng nhà thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| Mục | Khoản | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |       | Nhà thầu cần xem kỹ mọi hướng dẫn, mẫu khai, thời hạn và các thông tin khác trong HSMT. HSDT của Nhà thầu có thể bị loại nếu không cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết hay hồ sơ đó về cơ bản không đạt yêu cầu của HSMT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 6   | 2     | <b>Địa chỉ nhận văn bản đề nghị giải thích, làm rõ:</b> Nêu tại Mục 1 Khoản 3 của BDL.<br>Thời gian nhận được văn bản yêu cầu giải thích không muộn hơn 04 ngày trước thời điểm đóng thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 7   |       | SHB có quyền sửa đổi HSMT bằng cách phát hành phần bổ sung với bất kỳ lý do nào và tại bất kỳ thời điểm nào trước hạn nộp HSDT.<br>Tất cả các bên tham gia đấu thầu đều được thông báo về phần bổ sung bằng văn bản và họ sẽ bị ràng buộc bởi phần bổ sung này.<br>Để nhà thầu có đủ thời gian điều chỉnh HSDT thích ứng với phần sửa đổi, SHB sẽ gia hạn thời gian nộp HSDT, nếu cần thiết. Mọi bổ sung đưa ra trong vòng 03 ngày trước thời điểm đóng thầu.                                                                                                                                                        |
| 12  | 1     | Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau:<br>- Giá trước thuế.<br>- Thuế (các loại thuế theo quy định của Nhà nước).<br>- Giá sau thuế.<br>* Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm tất cả các chi phí để thực hiện các công việc sau:<br>- Vận hành, hướng dẫn sử dụng, tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ, xử lý các sự cố kỹ thuật (nếu có).<br>- Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.<br>- Các chi phí khác có liên quan đến phạm vi cung cấp hàng hoá.                                                        |
| 13  |       | Đồng tiền dự thầu: Việt Nam đồng (VND).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 14  | 1     | <b>Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:</b><br>- Nhà thầu phải nộp bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.<br>- Trường hợp liên danh: Ngoài việc từng nhà thầu nộp các giấy tờ như quy định đối với nhà thầu độc lập, nhà thầu liên danh phải nộp kèm theo văn bản thỏa thuận liên giữa các nhà thầu được ký bởi đại diện hợp pháp của các nhà thầu trong đó quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng nhà thầu đối với gói thầu.<br>- Có giấy tờ chứng minh tư cách hợp pháp của người đại diện nhà thầu trong đơn dự thầu. |

| Mục | Khoản | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |       | <p><b>Năng lực và kinh nghiệm:</b> Nhà thầu phải đáp ứng hoặc cung cấp các tài liệu sau nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm:</p> <p><b><u>*Năng lực cung cấp, triển khai</u></b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1.Nhà thầu phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp hạ tầng phần cứng, triển khai hệ thống NAC cho các ngân hàng, tổ chức tín dụng...</li> <li>2.Nhà thầu cung cấp tối thiểu 1 (một) hợp đồng (bản sao ) trong 05 năm gần nhất, cung cấp thiết bị NAC cho các ngân hàng, tổ chức tín dụng... có giá trị từ 4 tỷ VND trở lên kèm biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hợp đồng và hóa đơn VAT.</li> <li>3.Bản sao y công chứng giấy phép bán hàng hoặc chứng nhận là đại lý bán hàng hoặc cam kết hỗ trợ bán hàng và bảo hành của nhà sản xuất cho đơn vị cung cấp;</li> <li>4.Cung cấp danh sách cán bộ nhân viên đảm bảo cho việc triển khai gói thầu trong đó có 01 chứng chỉ CCIE (phô tô công chứng văn bằng chứng chỉ) và hợp đồng lao động của các cán bộ kỹ thuật có chứng chỉ (phô tô công chứng);</li> <li>5.Nhà thầu phải có trụ sở chính hoặc chi nhánh ở Hà Nội để thực hiện công tác hỗ trợ kỹ thuật khi có yêu cầu từ SHB.</li> </ol> <p><b><u>Năng lực tài chính</u></b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>6. Vốn điều lệ : 03 tỷ đồng trở lên.</li> <li>7. Báo cáo tình hình tài chính có xác nhận của cơ quan kiểm toán hoặc bản nộp qua cổng thông tin điện tử trong 02 năm gần nhất, doanh thu bình quân đạt tối thiểu 50 tỷ VND/năm;</li> <li>8. Bảo đảm dự thầu theo quy định.</li> </ol> |
| 15  | 1     | <p>Hàng hóa được coi là hợp lệ khi đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Các thiết bị là đồng bộ, đảm bảo là hàng mới 100% và chưa qua sử dụng. Thiết bị cung cấp phải được sản xuất trong năm 2024 hoặc 2025 và không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng sản xuất trong thời gian 05 năm kể từ ngày chào giá (<i>có kèm theo tài liệu chứng minh của hãng</i>)</li> <li>➤ Các thiết bị phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ), chứng nhận xuất xứ hàng hóa(CO) kèm theo : Serial Number, Phiếu bảo hành...của chính hãng.</li> <li>➤ Các thiết bị cung cấp theo gói thầu phải đảm bảo thời gian bảo hành 12 tháng.</li> </ul> <p>Xuất xứ hàng hóa: Singapore, Malaysia, Mỹ, các nước châu Âu và khu vực Trung Đông.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     | 2     | Nhà thầu phải cung cấp Catalog thiết bị để đảm bảo các thông số kỹ thuật trong catalog phù hợp với thông số kỹ thuật do nhà thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 16  | 1     | Nội dung yêu cầu về bảo đảm dự thầu :                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| Mục | Khoản | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |       | <p>Nhà thầu phải nộp kèm theo HSDT bảo đảm dự thầu có giá trị là <b>100.000.000 VND</b> (Một trăm triệu đồng chẵn).</p> <p>Hiệu lực bảo đảm : 120 ngày kể từ thời điểm đóng thầu theo quy định.</p> <p>Hình thức bảo đảm: Phát hành thư bảo lãnh.</p> <p>Thư bảo lãnh của một Ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>Bảo lãnh dự thầu của nhà thầu trúng thầu sẽ hết hiệu lực khi nhà thầu ký hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                         |
|     | 3     | Thời gian hoàn trả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không trúng thầu: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo kết quả đấu thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     | 5     | <p>Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Theo kết quả thương thảo, thống nhất giữa hai bên.</li> <li>- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng thư bảo đảm của một ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam:</li> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng.</li> <li>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tối thiểu 120 ngày kể từ khi phát hành; trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu nhà thầu muốn gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì phải gia hạn thời gian bảo lãnh tương ứng; hoặc khi SHB yêu cầu gia hạn nhà thầu phải cam kết thực hiện theo đúng yêu cầu.</li> </ul> |
| 17  | 1     | Thời gian có hiệu lực của HSDT là 90 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 18  | 1     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu phải cung cấp một (01) bản hồ sơ gốc bằng văn bản và một (01) bản sao cũng bằng văn bản, đóng dấu rõ "Hồ sơ bản gốc" hay "Hồ sơ bản sao", các HSDT được lưu dưới dạng điện tử bằng định dạng words và được lưu trong (01) USB. Trong trường hợp có mâu thuẫn, bản gốc có giá trị quyết định.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| Mục | Khoản | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19  | 1     | <p>Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT :</p> <p><b>Tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của nhà thầu</b></p> <p>Tên, địa chỉ bên mời thầu: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)</p> <p>Địa chỉ trụ sở: Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành Phố Hà Nội.</p> <p>Tên gói thầu: “<b>Trang bị thay thế thiết bị hệ thống kiểm soát mạng nội bộ Forescout - NAC</b>”</p> <p>(Trường hợp sửa đổi HSDT, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ “Hồ sơ dự thầu sửa đổi”)</p> |
| 20  |       | HSDT được gửi đến SHB không muộn hơn 15h, ngày <u>18</u> tháng <u>7</u> năm 2025. Hồ sơ nhận sau thời hạn quy định sẽ không được mở, bị loại và gửi trả nguyên vẹn cho Nhà thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 23  | 1     | Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc <u>16h</u> ngày <u>18</u> tháng <u>7</u> năm 2025 tại địa chỉ số 81 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 33  | 2     | Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thông báo trúng thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

**CHƯƠNG III**

**TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG**

**XÁC ĐỊNH GIÁ ĐỀ NGHỊ TRÚNG THẦU**

| <p style="text-align: center;"><b><u>Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1</u></b></p> <p style="text-align: center;"><b>TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU</b></p> |                                                                          |                |                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|
| <p style="text-align: center;"><b>Hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ bị loại, không xem xét tiếp nếu có 1 trong các nội dung sau đây không đáp ứng :</b></p>                    |                                                                          |                |                      |
| <b>TT</b>                                                                                                                                                                  | <b>Nội dung</b>                                                          | <b>Đáp ứng</b> | <b>Không đáp ứng</b> |
| 1                                                                                                                                                                          | Tính hợp lệ của đơn dự thầu theo HSMT.                                   |                |                      |
| 2                                                                                                                                                                          | Tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh theo HSMT.                          |                |                      |
| 3                                                                                                                                                                          | Tư cách hợp lệ của nhà thầu .                                            |                |                      |
| 4                                                                                                                                                                          | Có đủ 01 bản gốc và 01 bản chụp HSDT, 01 USB                             |                |                      |
| 5                                                                                                                                                                          | Bảo đảm dự thầu theo quy định                                            |                |                      |
| 6                                                                                                                                                                          | Biểu giá chào theo quy định (đủ số lượng, giá chào bao gồm cả thuế, ...) |                |                      |
| 7                                                                                                                                                                          | Đồng tiền dự thầu phải là tiền Việt Nam Đồng                             |                |                      |

**Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2****TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM**

| STT | Nội dung                                                                                                                          | Mô tả                                                                                                                                                                                                                   | Điểm yêu cầu tối thiểu | Điểm tối đa |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|
| 1   | Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp thiết bị mạng                                                                          |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 10          |
|     | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 10          |
|     | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                         | 5                      | 5           |
|     | Dưới 05 năm                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 0           |
| 2   | Số lượng các hợp đồng tương tự đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính hoặc một thành viên của liên danh trong 05 năm gần nhất | Nhà thầu cung cấp hợp đồng (bản sao ) trong 05 năm gần nhất, cung cấp thiết bị NAC cho các ngân hàng, tổ chức tín dụng... có giá trị từ 4 tỷ VND trở lên kèm biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hợp đồng và hóa đơn VAT. |                        | 35          |
|     | Có từ 02 hợp đồng trở lên                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 35          |
|     | Có 01 hợp đồng                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                         | 25                     | 25          |
|     | Không có hợp đồng                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 0           |
| 3   | Báo cáo tài chính trong 02 năm gần nhất (năm 2023, 2024)                                                                          |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 15          |
| 3.1 | <i>Doanh thu bình quân/năm</i>                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 10          |
|     | Trên 50 tỷ đồng                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 10          |
|     | Doanh thu 50 tỷ đồng                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                         | 5                      | 5           |
|     | Dưới 50 tỷ đồng                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 0           |
| 3.2 | <i>Lợi nhuận / bình quân/năm sau thuế TNDN</i>                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 5           |
|     | Lợi nhuận dương                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                         | 5                      | 5           |
|     | Lợi nhuận âm                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 0           |
| 4   | Nhân sự triển khai dự án                                                                                                          | Phải đáp ứng theo hồ sơ mời thầu.                                                                                                                                                                                       |                        | 10          |
|     | Có đủ nhân sự triển khai                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                         | 10                     | 10          |
|     | Không đủ nhân sự triển khai                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                         |                        | 0           |
| 5   | Mối quan hệ với hãng sản xuất                                                                                                     | Thư hỗ trợ của hãng hoặc Giấy chứng nhận là đại lý/phân phối của hãng. (bản sao y).                                                                                                                                     |                        | 20          |

|                  |                                                                                        |  |           |            |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------|------------|
|                  | Có Thư hỗ trợ của hãng hoặc Giấy chứng nhận là đại lý/phân phối của hãng. (bản sao y). |  | 20        | 20         |
|                  | Không có thư hỗ trợ                                                                    |  |           |            |
| 6                | <b>Bảo lãnh dự thầu</b>                                                                |  |           | <b>10</b>  |
|                  | Có thư bảo lãnh                                                                        |  | 10        | 10         |
|                  | Không có thư bảo lãnh                                                                  |  |           |            |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b> |                                                                                        |  | <b>80</b> | <b>100</b> |

*Ghi chú: Nhà thầu được đánh giá đáp ứng NLKN khi tổng số điểm đạt tối thiểu 80 điểm đồng thời đáp ứng điểm tối thiểu ở từng tiêu chí nêu trên.*

**Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3**

**TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

| STT      | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                      | M/O | Điểm yêu cầu tối thiểu | Điểm tối đa |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------------------|-------------|
| <b>I</b> | <b>Yêu cầu về thiết bị</b>                                                                                                                                                                                                                                                                            |     | <b>500</b>             | <b>500</b>  |
| 1        | Đáp ứng về mặt cấu hình kỹ thuật của các thiết bị phần cứng và bản quyền phần mềm theo yêu cầu của HSMT                                                                                                                                                                                               | M   | 50                     | 50          |
|          | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |                        | 50          |
|          | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |                        | 0           |
| 2        | Đáp ứng nội dung triển khai theo yêu cầu của HSMT                                                                                                                                                                                                                                                     | M   | 50                     | 50          |
|          | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |                        | 50          |
|          | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |                        | 0           |
| 3        | Các thiết bị phải là chính hãng và nhập khẩu chính ngạch                                                                                                                                                                                                                                              | M   | 50                     | 50          |
|          | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |                        | 50          |
|          | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |                        | 0           |
| 4        | Các thiết bị phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, nguyên đai, nguyên kiện, được đóng gói theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất                                                                                                                                                                         | M   | 50                     | 50          |
|          | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |                        | 50          |
|          | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |                        | 0           |
| 5        | Thiết bị cung cấp phải được sản xuất trong năm 2024-2025 và không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng sản xuất trong thời gian ít nhất 05 năm kể từ ngày chào giá và ngừng hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật trong vòng ít nhất 08 năm (có kèm theo tài liệu chứng minh của hãng hoặc thư xác nhận của hãng) | M   | 50                     | 50          |
|          | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |                        | 50          |
|          | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |                        | 0           |
| 6        | Xuất xứ hàng hóa: Xuất xứ hàng hóa: Singapore, Malaysia, Mỹ, các nước châu Âu và khu vực Trung Đông                                                                                                                                                                                                   | M   | 50                     | 50          |
|          | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |                        | 50          |
|          | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |                        | 0           |
| 7        | Các thiết bị phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ) cấp cho SHB, chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) kèm theo: Part Number, Serial Number, phiếu bảo hành, phụ kiện, tài liệu hướng dẫn hoặc đĩa cài đặt (nếu có) và các giấy tờ khác liên quan của chính hãng theo cấu hình cung cấp          | M   | 50                     | 50          |
|          | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |                        | 50          |
|          | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |                        | 0           |

| STT | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | M/O | Điểm yêu cầu tối thiểu | Điểm tối đa |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------------------|-------------|
| 8   | Nhà thầu có trách nhiệm giao hàng và triển khai lắp đặt theo đúng địa điểm yêu cầu của SHB, kèm theo đầy đủ tài liệu hướng dẫn và đĩa cài đặt (nếu có);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | M   | 50                     | 50          |
|     | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |                        | 50          |
|     | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |                        | 0           |
| 9   | Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho SHB các biên bản: Biên bản nghiệm thu, Biên bản thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính hợp lệ, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q), phiếu bảo hành thiết bị....;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | M   | 50                     | 50          |
|     | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |                        | 50          |
|     | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |                        | 0           |
| 10  | Thư hỗ trợ của chính hãng đối với thiết bị cung cấp trong phạm vi Hồ sơ mời thầu này                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | M   | 50                     | 50          |
|     | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |                        |             |
|     | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |                        |             |
| II  | <b>Yêu cầu về triển khai</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |     | <b>250</b>             | <b>250</b>  |
| 1   | Triển khai trọn gói, lắp đặt, cài đặt tất cả các thiết bị cung cấp trong phạm vi gói thầu này theo tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu của SHB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | M   | 50                     | 50          |
|     | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |                        | 50          |
|     | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |                        | 0           |
| 2   | Tích hợp và chuyển đổi hệ thống NAC cũ sang hệ thống NAC mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | M   | 200                    | 200         |
|     | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |                        | 200         |
|     | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |                        | 0           |
| III | <b>Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | M   | <b>50</b>              | <b>50</b>   |
|     | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |                        | 50          |
|     | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |                        | 0           |
| IV  | <b>Nhân sự triển khai</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ quản trị dự án: 01 cán bộ đã có kinh nghiệm quản trị dự án tương tự trong 03 năm gần nhất.</li> <li>- Đội ngũ nhân sự triển khai phải đáp ứng các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>o Tối thiểu 02 chuyên gia về hệ thống mạng và bảo mật: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Kinh nghiệm: đã triển khai dự án tương tự tại vị trí đảm nhiệm trong dự án này.</li> <li>▪ Chứng chỉ: có các chứng chỉ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• 01 x CCNP</li> <li>• 01 x CISSP/CCIE</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul> </li> </ul> | M   | 100                    | 200         |

| STT              | Nội dung yêu cầu        | M/O | Điểm yêu cầu tối thiểu | Điểm tối đa |
|------------------|-------------------------|-----|------------------------|-------------|
|                  | Có từ 4 nhân sự trở lên |     |                        | 200         |
|                  | Có 3 nhân sự            |     | 100                    | 100         |
|                  | Có dưới 3 nhân sự       |     |                        | 0           |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b> |                         |     | <b>900</b>             | <b>1000</b> |

*Ghi chú: Nhà thầu được đánh giá đáp ứng NLKT khi tổng số điểm đạt tối thiểu 900 điểm đồng thời đáp ứng điểm tối thiểu ở từng tiêu chí nêu trên.*

**Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4**  
**XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ**

| STT | Nội dung                                                 | Căn cứ xác định                                            |
|-----|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1   | Xác định giá dự thầu                                     | Theo Mục 12 Chương I                                       |
| 2   | Sửa lỗi                                                  | Theo Mục 28 Chương I                                       |
| 3   | Hiệu chỉnh các sai lệch                                  | Theo Mục 29 Chương I                                       |
| 4   | Giá trị giảm giá (nếu có)                                | Theo thư giảm giá của nhà thầu                             |
| 5   | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá | Tổng của giá trị các nội dung<br>(1)+(2)+(3)+(4)           |
| 6   | Chuyển đổi giá dự thầu sang một đồng tiền chung (nếu có) | Không áp dụng (Nhà thầu phải chào bằng tiền Việt Nam đồng) |
| 7   | Giá đánh giá                                             | Giá trị nội dung mục 5                                     |

**PHẦN II**  
**YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP**  
**CHƯƠNG IV**  
**YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP, KỸ THUẬT, CHẤT LƯỢNG**

**A. MỤC TIÊU, PHẠM VI CUNG CẤP**

Với mục đích tuân thủ quy định của NHNN và thay thế thiết bị hệ thống kiểm soát mạng nội bộ Forescout – NAC (Network Access Control) đã ngừng hỗ trợ kỹ thuật, SHB sẽ tiến hành trang bị hệ thống Kiểm soát truy cập mạng (NAC) thay thế cho hệ thống hiện tại.

**1. Mục tiêu của gói thầu**

Mục tiêu của gói thầu này nhằm lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực để thực hiện các công việc của gói thầu, cụ thể như sau:

- Cung cấp các thiết bị nhằm đáp ứng đúng và đầy đủ theo yêu cầu của HSMT.
- Triển khai lắp đặt, cài đặt, cấu hình các thiết bị do nhà thầu cung cấp và tích hợp vào hệ thống CNTT theo yêu cầu của SHB;
- Cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì cho các trang thiết bị do nhà thầu cung cấp.
- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ 24x7x4 đối với các trang thiết bị do nhà thầu cung cấp, với các yêu cầu:
  - o Thời gian hỗ trợ kỹ thuật: 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần;
  - o Thời gian đáp ứng: trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố, nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật có mặt tại nơi phát sinh sự cố để thực hiện khắc phục;
  - o Thời gian đưa ra phương án khắc phục sự cố tối đa 04 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố.

**2. Phạm vi của gói thầu**

Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc sau

- Cung cấp, vận chuyển (bao gồm các thủ tục hải quan/thuế liên quan tới việc nhập khẩu hàng hóa), bàn giao, lắp đặt, cài đặt, cấu hình các thiết bị được nêu trong HSMT;
- Tích hợp các thiết bị mới vào các hệ thống của SHB;
- Chuyển đổi cấu hình từ hệ thống NAC cũ sang hệ thống NAC mới

Bảng dưới đây liệt kê phạm vi cung cấp hàng hóa và dịch vụ:

| STT      | Danh mục hàng hóa                                     | Đơn vị  | SL | Mô tả | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------------------------|---------|----|-------|---------|
| <b>A</b> | <b>HỆ THỐNG KIỂM SOÁT TRUY CẬP MẠNG FORESCOUT</b>     |         |    |       |         |
| 1        | Thiết bị FS-HW-6160                                   | Chiếc   | 02 |       |         |
| 2        | Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ thiết bị FS-AC-B-HW-6160-1 | License | 02 |       |         |
| 3        | Phần mềm FS-NETSEC-CORE-1000-1Y-TBL                   | Licens  | 05 |       |         |

| STT      | Danh mục hàng hóa                          | Đơn vị | SL | Mô tả | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------------|--------|----|-------|---------|
| <b>B</b> | <b>DỊCH VỤ</b>                             |        |    |       |         |
| 1        | Lắp đặt hệ thống phần cứng                 | Gói    | 01 |       |         |
| 2        | Cài đặt các phần mềm đi kèm thiết bị       | Gói    | 01 |       |         |
| 3        | Triển khai dịch vụ chuyển đổi hệ thống NAC | Gói    | 01 |       |         |
| 4        | Đào tạo và chuyển giao công nghệ           | Gói    | 01 |       |         |
| 5        | Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật                | Năm    | 01 |       |         |

Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc sau:

- Cung cấp, triển khai lắp đặt, cài đặt, cấu hình, tinh chỉnh các hàng hóa do nhà thầu cung cấp và tích hợp vào hệ thống CNTT hiện có của SHB;
- Chuyển đổi hệ thống NAC FS-HW-5160 hiện tại của SHB sang hệ thống NAC FS-HW-6160 tại TTDL chính;
- Đào tạo, chuyển giao công nghệ cho các cán bộ của SHB để quản trị, vận hành hệ thống trang thiết bị do nhà thầu cung cấp;
- Cung cấp dịch vụ bảo hành cho các trang thiết bị phần cứng do nhà thầu cung cấp;
- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 theo tiêu chuẩn chính hãng đối với các trang thiết bị phần cứng do nhà thầu cung cấp, với các yêu cầu:
  - o Hỗ trợ kỹ thuật chính hãng 24 giờ/ngày và 07 ngày/tuần;
  - o Thời gian đáp ứng: 02 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố (có mặt tại nơi thông báo có sự cố, bắt đầu thực hiện hành động khắc phục);
  - o Thời gian đưa ra phương án khắc phục sự cố tối đa: 04 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố, nhà thầu phải đưa ra phương án khắc phục sự cố để ngân hàng có thể hoạt động nghiệp vụ bình thường.
- Cam kết cung cấp dịch vụ bảo hành mở rộng và bảo trì sau khi hết hạn bảo hành;
- Bàn giao đầy đủ Bản quyền, bộ đĩa, tài liệu đi kèm sản phẩm, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng.

## CHƯƠNG V TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                    | Tiến độ                                           | Địa điểm cung cấp                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1   | Bàn giao toàn bộ các thiết bị phần cứng và phần mềm liệt kê trong Chương IV – Phạm vi cung cấp.                                                                                                                                             | Tối đa 08 - 12 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.       | TTDL chính của SHB tại Hà Nội                  |
| 2   | Lắp đặt và cấu hình các thiết bị phần cứng.<br>Cài đặt hệ điều hành, các phần mềm trong phạm vi gói thầu.<br>Tích hợp các cấu phần của hệ thống.<br>Chuyển đổi toàn bộ cấu hình từ hệ thống NAC FS-HW-5160 sang hệ thống NAC FS-HW-6160 mới | Tối đa 08 - 12 tuần kể từ ngày bàn giao hàng hóa. | TTDL chính và TTDL dự phòng của SHB tại Hà Nội |

## CHƯƠNG VI YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### A. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, DỊCH VỤ:

#### 1. Các yêu cầu chung

- Các thiết bị phải là chính hãng và nhập khẩu chính ngạch;
- Các thiết bị là đồng bộ, đảm bảo là hàng mới 100% và chưa qua sử dụng. Thiết bị cung cấp phải được sản xuất trong năm 2024 hoặc 2025 và không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng sản xuất trong thời gian 05 năm kể từ ngày chào giá (có kèm theo tài liệu chứng minh của hãng);
- Xuất xứ hàng hóa: Singapore, Malaysia, Mỹ, các nước châu Âu và khu vực Trung Đông;
- Các thiết bị phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ) cấp cho chủ đầu tư SHB, chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) kèm theo : Serial Number, Phiếu bảo hành...của chính hãng;
- Các thiết bị cung cấp theo gói thầu phải đảm bảo thời gian bảo hành 12 tháng kể từ thời điểm ký biên bản nghiệm thu tổng thể;
- Bên Bán có trách nhiệm giao hàng và triển khai lắp đặt theo đúng địa điểm yêu cầu của Bên Mua, kèm theo đầy đủ tài liệu hướng dẫn và đĩa cài đặt (nếu có);
- Bên Bán có trách nhiệm cung cấp cho Bên Mua các biên bản: Biên bản nghiệm thu, hoá đơn tài chính hợp lệ, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) cấp cho chủ đầu tư SHB, phiếu bảo hành thiết bị...;

#### 2. Các yêu cầu về kỹ thuật đối với các thiết bị phần cứng và phần mềm

Các yêu cầu thông số kỹ thuật đối với hàng hóa chào thầu được nêu trong bảng dưới đây:

| STT      | Mã sản phẩm                                           | Yêu cầu                                                                                        | Đơn vị tính | SL       |
|----------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| <b>A</b> | <b>Thiết bị phần cứng Forescout FS-HW-6160</b>        |                                                                                                |             |          |
| 1        | <b>FS-HW-6160</b>                                     | <b>Mã thiết bị phần cứng</b>                                                                   | <b>Bộ</b>   | <b>2</b> |
|          | Kiểm soát thiết bị                                    | Có khả năng kiểm soát truy cập được tối thiểu 25,000 thiết bị (Endpoint)                       |             |          |
|          | HA (High Availability)                                | Có hỗ trợ HA                                                                                   |             |          |
|          | CPU                                                   | 2x Intel 5418Y 48C/96T                                                                         |             |          |
|          | Storage                                               | 3x 1.92TB NVMe (RAID-1+HS)                                                                     |             |          |
|          | RAM                                                   | 128 GB memory                                                                                  |             |          |
|          | Giao diện mạng                                        | 4x 10/25Gbps (2x 10/25Gbps dual rate SR fiber SFPs included in base config)                    |             |          |
|          | Nguồn                                                 | 2x 1100 W Titanium 100—240 VAC or 240 HVDC                                                     |             |          |
| <b>B</b> | <b>Bản quyền phần mềm và dịch vụ bảo hành mở rộng</b> |                                                                                                |             |          |
| 1        | FS-AC-B-HW-6160-1                                     | Bản quyền Forescout gói Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ thiết bị cho thiết bị Forescout FS- HW-6160 | license     | 2        |
| 2        | FS-NETSEC-CORE-1000-1Y-TBL                            | Bản quyền Forescout cho phép kiểm soát các thiết bị đầu cuối                                   | license     | 5        |

| SIT | Mã sản phẩm | Yêu cầu                                                            | Đơn vị tính | SL |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|----|
|     |             | Tổng số lượng endpoint được kiểm soát<br>truy cập: 5000 Endpoints. |             |    |

## B. YÊU CẦU VỀ TRIỂN KHAI

### 1. Các yêu cầu chung

Hệ thống được triển khai và bàn giao theo phương thức trọn gói.

- Chuyển đổi hệ thống NAC FS- HW-5160 hiện tại của SHB sang hệ thống NAC FS- HW-6160 tại TTDL chính;
- Nhà thầu phải nêu rõ phương pháp luận trong Hồ sơ dự thầu khi triển khai chuyển đổi từ hệ thống NAC FS- HW-5160 hiện tại sang hệ thống NAC FS- HW-6160 mới.
- Hệ thống được triển khai và bàn giao theo phương thức trọn gói. Vì vậy, nhà thầu đóng vai trò tích hợp hệ thống, chủ trì và phối hợp với các hãng sản xuất liên quan tới các sản phẩm trong gói thầu để thực hiện lắp đặt, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số, tinh chỉnh theo đúng kiến trúc hệ thống đảm bảo đáp ứng các yêu cầu;
- Thời gian triển khai: nhà thầu phải thực hiện hoàn thành triển khai trong vòng 90 ngày kể từ lúc bàn giao hàng hóa;
- Việc tiếp nhận, kiểm tra, bàn giao, lắp đặt phục vụ việc cài đặt và thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển tới nơi sử dụng, lắp đặt tại nơi sử dụng được tiến hành như sau:
  - o Các trang thiết bị nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện được chuyển đến SHB được mở ra để kiểm tra danh mục, số lượng, chủng loại, đặc tính kỹ thuật xuất xứ hàng hóa theo hợp đồng;
  - o Nhà thầu bàn giao các trang thiết bị, bản quyền sử dụng, tài liệu gốc kèm theo thiết bị, giấy bảo hành;
  - o Nhà thầu tiếp nhận trang thiết bị từ SHB để phục vụ việc lắp đặt, cài đặt và đưa đi lắp đặt, triển khai tại các địa điểm mà SHB chỉ định.
- Phương pháp luận triển khai: Nhà thầu phải đề xuất phương pháp luận, quy trình triển khai, kế hoạch triển khai chi tiết trong HSDT;
- Địa điểm triển khai: tại các địa điểm mà SHB chỉ định;
- Trong suốt quá trình triển khai phải có sự tham gia của cán bộ SHB;
- Yêu cầu về bảo mật thông tin: cam kết không tiết lộ, sao chép, sử dụng bất cứ thông tin liên quan đến hệ thống thiết bị, cơ sở dữ liệu, dữ liệu, hệ thống ứng dụng và các thông tin khác liên quan đến việc triển khai gói thầu này dưới bất kỳ hình thức nào;
- Đội ngũ nhân sự triển khai: phải đáp ứng các yêu cầu của SHB nêu trong HSMT.
- Trước khi cài đặt, nhà thầu phải cung cấp tài liệu cài đặt, cấu hình bao gồm: thứ tự các bước thực hiện, giá trị các tham số cài đặt, chi tiết các tập lệnh. Các tài liệu này phải được phê duyệt bởi các kỹ sư triển khai chính hãng.

### 2. Các yêu cầu cụ thể

#### a. Lắp đặt hệ thống phần cứng

- Lắp đặt tất cả các thiết bị phần cứng được cung cấp trong phạm vi gói thầu này theo tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu của SHB;
- Xây dựng và cung cấp các tài liệu cài đặt và cấu hình hệ thống.

#### b. Cài đặt các phần mềm đi kèm thiết bị

- Cài đặt hệ điều hành và các bản vá lỗi;
- Tối ưu hóa quá trình cài đặt hệ điều hành: gỡ bỏ các thành phần không cần thiết,
- Cài đặt các phần mềm và công cụ đi kèm máy chủ phục vụ cho việc cấu hình, giám sát, quản trị,...;
- Cung cấp các tài liệu cài đặt và cấu hình hệ thống trước khi thực hiện.

### 3. Chuyển đổi hệ thống NAC

#### a. Công tác chuẩn bị

- Nhà thầu phối hợp với kỹ sư của hãng thực hiện các công việc sau:
  - o Khảo sát chi tiết yêu cầu cùng với hiện trạng hạ tầng phần cứng, cấu hình hệ thống NAC hiện tại, mô hình NAC hiện tại của SHB. Lập báo cáo khảo sát và các vấn đề tồn tại, khó khăn gặp phải khi chuyển đổi;
  - o Đề xuất phương pháp luận, danh mục công việc cần thực hiện và phương án chuyển đổi hệ thống NAC FS- HW-6160;
  - o Lập kế hoạch chi tiết chuyển đổi hệ thống NAC FS- HW-5160 sang hệ thống NAC FS- HW-6160;
  - o Đề xuất phương án phục hồi hiện trạng trong trường hợp chuyển đổi không đạt kết quả mong muốn.
- Các phương án và kế hoạch phải được phê duyệt của SHB.

#### b. Triển khai công tác chuyển đổi hệ thống NAC

- Thực hiện triển khai theo đúng phương án và kế hoạch đã được phê duyệt;
- Bất kỳ sự thay đổi nào về phương pháp, kế hoạch, tham số phải thông báo cho SHB và được SHB phê duyệt trước khi thực hiện;
- Đảm bảo hoàn thành công tác chuyển đổi sang hệ thống NAC mới.

#### c. Hỗ trợ sau chuyển đổi

- Chuyên gia kỹ thuật hỗ trợ và xử lý lỗi phát sinh tại TTDL chính của SHB trong vòng 01 tuần đầu tiên sau chuyển đổi;
- Lập báo cáo về tài sau khi hệ thống NAC mới đưa vào vận hành trên hệ thống SHB bao gồm:
  - o Báo cáo về hiện trạng tài của các thiết bị trong dự án;
  - o Phân tích, đánh giá và đưa ra các giải pháp tối ưu hóa cho các hệ thống.

### 4. Đào tạo, chuyển giao

#### a. Các yêu cầu chung

- Nhà thầu phải cung cấp các khóa đào tạo cho các cán bộ của SHB nhằm đáp ứng yêu cầu cần thiết để sử dụng, vận hành và quản trị hệ thống sau này;
- Trong HSDT, nhà thầu phải đề xuất kế hoạch đào tạo, chi phí từng khóa đào tạo (bao gồm cả chi phí ăn ở, đi lại nếu địa điểm đào tạo nằm ngoài phạm vi Hà Nội) trong phạm vi gói thầu này;
- Giảng viên phải là các chuyên gia có bằng cấp chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực đào tạo liên quan.

#### b. Yêu cầu cụ thể

Danh sách các khóa đào tạo tối thiểu mà nhà thầu cần đáp ứng được liệt kê dưới đây:

| STT | Tên khóa học                               | Số lượng<br>cán bộ dự kiến |
|-----|--------------------------------------------|----------------------------|
| I   | Quản trị hệ thống kiểm soát truy cập mạng. |                            |

| STT | Tên khóa học                                                                     | Số lượng<br>cán bộ dự kiến |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 01  | Quản trị hệ thống kiểm soát truy cập mạng (NAC) được đề xuất trong gói thầu này. | 08                         |

**c. Kế hoạch đào tạo**

Nhà thầu phải đề xuất **Kế hoạch đào tạo** trong HSDT, phù hợp với các giai đoạn triển khai, phạm vi triển khai và các đối tượng tham gia nhằm đảm bảo các yêu cầu chung. **Kế hoạch đào tạo** phải bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

- Phương pháp đào tạo;
- Đề cương các khóa đào tạo;
- Lịch trình cho từng khóa đào tạo;
- Số học viên của từng khóa đào tạo.

**d. Môi trường đào tạo**

Nhà thầu phải cung cấp môi trường đào tạo và sử dụng các công cụ đào tạo thích hợp cho chương trình đào tạo đề xuất bao gồm lý thuyết và thực hành, đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau đây:

- Đào tạo tại trung tâm đào tạo.
- Giảng viên có đầy đủ các chứng chỉ cần thiết đảm bảo chất lượng giảng dạy của các khóa học.
- Mỗi học viên phải được trang bị đầy đủ các công cụ, tài liệu cần thiết trong suốt quá trình đào tạo.
- Phải có môi trường thực hành với đầy đủ các trang thiết bị cần thiết cho học viên.

**e. Chi phí đào tạo**

Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí đào tạo tương ứng:

- Theo số lượng học viên nêu tại Mục B của chương này.

**f. Chuyển giao**

- Nhà thầu có trách nhiệm truyền đạt các kiến thức và kỹ năng thao tác trên hệ thống thực tế trong suốt quá trình triển khai, đảm bảo cán bộ kỹ thuật của SHB hiểu rõ và làm chủ hoàn toàn hệ thống;
- Nhà thầu có trách nhiệm xây dựng và cung cấp các tài liệu mô tả chi tiết đầu nối, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số, tinh chỉnh hệ thống và hướng dẫn sử dụng (quy trình vận hành, quản trị, xử lý sự cố...).

**5. Bảo Hành, Hỗ Trợ Kỹ Thuật**

**a. Các yêu cầu chung**

- Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đáp ứng tối thiểu cơ chế 24x7x4 (24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần, thời gian đưa ra phương án khắc phục sự cố tối đa trong vòng 4 giờ);
- Địa điểm bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật: tại nơi lắp đặt;
- Nhà thầu phải nêu rõ các nội dung về bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật trong HSDT, bao gồm cả các đề xuất với Bên mời thầu về yêu cầu thực hiện chế độ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật;
- Nhà thầu phải cung cấp thư cam kết hỗ trợ và bảo hành của nhà sản xuất đối với các thiết bị phần cứng và phần mềm đề xuất (nếu trúng thầu);

- Nhà thầu phải có bộ phận bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật tại Hà Nội. Nhà thầu cần nêu rõ chế độ sau bán hàng của hãng sản xuất cũng như khả năng đáp ứng của nhà thầu, mức độ thuận tiện trong công tác bảo hành, bảo dưỡng thiết bị.

#### **b. Bảo hành**

- Thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với tất cả các thiết bị phần cứng theo yêu cầu chi tiết hàng hóa kể từ thời điểm hai bên ký biên bản nghiệm thu tổng thể hệ thống;
- Mọi chi phí liên quan đến bảo hành thuộc trách nhiệm của nhà thầu;
- Nội dung bảo hành bao gồm những công việc cụ thể sau:
  - o Khắc phục và xử lý các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động;
  - o Nhà thầu đề xuất phương án dự phòng đối với tất cả các thiết bị phần cứng thuộc phạm vi cung cấp trong thời gian bảo hành, đảm bảo mọi cấu phần của hệ thống không được dừng hoạt động quá 04 giờ kể từ khi SHB thông báo;
  - o Đối với thiết bị phần cứng phát sinh lỗi, nhà thầu phải có thiết bị thay thế tạm thời với cấu hình tương đương nếu không xử lý được trong vòng 4h. Trường hợp các thiết bị phần cứng phải mang đi bảo hành thì thời hạn hoàn trả thiết bị tối đa là 30 ngày. Quá thời hạn này, nếu lỗi của thiết bị chưa được xử lý xong và chưa hoàn trả cho SHB thì nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế thiết bị mới 100% với cấu hình tối thiểu tương đương và tương thích với hệ thống sẵn có của SHB;
  - o Kiểm tra tình trạng hoạt động và tối ưu hóa các tham số nhằm giúp cho hệ thống vận hành đạt hiệu quả tốt tối thiểu là 03 tháng/lần;
  - o Thông báo cho SHB các vấn đề liên quan đến tính sẵn có của việc sửa lỗi, cập nhật tương lai và phiên bản mới của phần mềm, firmware;
  - o Cung cấp, sửa lỗi, cập nhật phiên bản mới của các phần mềm, firmware theo tiêu chuẩn của hãng nếu được SHB chấp nhận;
- Sau thời hạn bảo hành, nhà thầu phải có giấy Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ bảo hành của SHB.
- Trong HSDT, nhà thầu phải chào giá dịch vụ bảo hành bổ sung cho tất cả các thiết bị phần cứng với thời gian 12 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn bảo hành của gói thầu này. Dịch vụ bảo hành bổ sung này phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật được nêu trong HSMT. Phần chào giá này sẽ được xem xét như một cấu phần trong việc đánh giá HSDT. Nếu được SHB lựa chọn, hợp đồng bảo hành bổ sung sẽ được đàm phán, thương thảo và ký ngay khi hết thời gian bảo hành của gói thầu này với mức giá không vượt quá mức giá chào trong HSDT.

#### **c. Hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 theo tiêu chuẩn chính hãng**

- Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với SHB hỗ trợ khai thác sử dụng hệ thống, hướng dẫn cho cán bộ kỹ thuật của SHB các tính năng của hệ thống khi SHB yêu cầu;
- Nhà thầu phải cam kết đáp ứng hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 theo tiêu chuẩn chính hãng trong thời gian bảo hành;
- Nhà thầu phải nêu rõ phương pháp tổ chức hỗ trợ kỹ thuật trong HSDT (tổ chức nhân sự, phương pháp liên lạc, quy trình xử lý yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật);
- Chế độ hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 bao gồm các yêu cầu cụ thể sau:
  - o Thời gian hỗ trợ kỹ thuật: 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần;

- Thời gian đáp ứng: trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố, nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật có mặt tại nơi phát sinh sự cố để thực hiện khắc phục;
- Thời gian đưa ra phương án khắc phục sự cố tối đa 04 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố;
- Các hoạt động hỗ trợ phải được ghi nhận nhật ký thực hiện.

#### **6. Nhân sự triển khai và tổ chức thực hiện**

- Cán bộ quản trị dự án: 01 nhân sự đã có kinh nghiệm quản trị dự án tương tự trong 03 năm gần nhất.
- Đội ngũ nhân sự triển khai phải đáp ứng các yêu cầu sau:
  - Tối thiểu 02 chuyên gia về hệ thống mạng và bảo mật:
    - Kinh nghiệm: đã triển khai dự án tương tự tại vị trí đảm nhiệm trong dự án này.
    - Chứng chỉ: có các chứng chỉ sau:
      - 01 x CCNP
      - 01 x CISSP/CCIE
- Nhà thầu phải cam kết các nhân sự trong danh sách nêu trên sẽ triển khai trực tiếp cho dự án này. Trường hợp có sự thay đổi nhân sự triển khai, nhà thầu phải gửi thông báo chính thức tới SHB, cam kết nhân sự thay thế có trình độ tương đương và phải được chấp thuận của SHB.

## PHẦN III

### TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI

#### CHƯƠNG VII

#### YÊU CẦU VỀ ĐIỀU KIỆN TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI

**I. Tài khoản thanh toán để thực hiện hợp đồng:** Nhà thầu sau khi trúng thầu phải mở tài khoản tại SHB để thực hiện các giao dịch chuyển tiền (tạm ứng, thanh toán) tại Ngân Hàng SHB.

**II. Bảng chào giá chi tiết :**

Nhà thầu chào giá chi tiết, mô tả các thông tin cơ bản về nhãn hiệu, model, năm sản xuất, cấu hình kỹ thuật, thời gian bảo hành, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế VAT, tổng giá trị đã bao gồm thuế VAT, chi tiết theo bảng dưới đây :

| STT                         | Nội dung chào hàng                                                          | Số lượng | Đơn giá<br>(chưa VAT, VND) | Thành tiền<br>(chưa VAT, VND) |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------|-------------------------------|
| A                           | Thiết bị phần cứng                                                          |          |                            |                               |
|                             |                                                                             |          |                            |                               |
|                             |                                                                             |          |                            |                               |
|                             |                                                                             |          |                            |                               |
|                             |                                                                             |          |                            |                               |
|                             |                                                                             |          |                            |                               |
| B                           | Bản Quyền phần mềm                                                          |          |                            |                               |
|                             |                                                                             |          |                            |                               |
|                             |                                                                             |          |                            |                               |
|                             |                                                                             |          |                            |                               |
| C                           | Dịch vụ triển khai                                                          |          |                            |                               |
|                             |                                                                             |          |                            |                               |
|                             |                                                                             |          |                            |                               |
| D                           | Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật năm tiếp theo (không tính vào tổng giá) |          |                            |                               |
|                             |                                                                             |          |                            |                               |
|                             | Cộng                                                                        |          |                            |                               |
|                             | Thuế VAT                                                                    |          |                            |                               |
| Thành tiền (đã bao gồm VAT) |                                                                             |          |                            |                               |

*Nhà thầu phải chào giá dự kiến cho "Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật" cho 03 năm tiếp theo sau khi hết thời hạn 01 năm. Giá trị này không tính vào tổng giá trị chào thầu.*

### III. Tiến độ giao hàng :

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                 | Tiến độ                                           | Địa điểm cung cấp                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1   | Bàn giao toàn bộ các thiết bị phần cứng và phần mềm liệt kê trong Chương IV – Phạm vi cung cấp.                                                                                                                          | Tối đa 08 - 12 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.       | TTDL chính của SHB tại Hà Nội                  |
| 2   | Lắp đặt và cấu hình các thiết bị phần cứng.<br>Cài đặt hệ điều hành, các phần mềm trong phạm vi gói thầu.<br>Tích hợp các cấu phần của hệ thống.<br>Xây dựng kế hoạch, chuyển đổi hệ thống NAC cũ sang hệ thống NAC mới. | Tối đa 08 - 12 tuần kể từ ngày bàn giao hàng hóa. | TTDL chính và TTDL dự phòng của SHB tại Hà Nội |

### IV. Điều kiện thanh toán, Bảo hành, và cam kết của nhà thầu

#### 1. Phương thức thanh toán

- Đợt 1: Tạm ứng 30% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực kèm hồ sơ sau : Đề nghị tạm ứng, bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng bằng giá trị tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng bằng 10% giá trị hợp đồng.
- Đợt 2: Thanh toán 100% tổng giá trị Hợp đồng (có khấu trừ 30% tiền tạm ứng) trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu tổng thể, biên bản bàn giao, hóa đơn tài chính, giấy chứng nhận CO, CQ... và các hồ sơ khác (nếu có), bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng.

#### 2. Đồng tiền thanh toán : VND

#### 3. Bảo hành:

- Thời gian bảo hành là 12 tháng cho toàn bộ các thiết bị và bản quyền phần mềm được cung cấp cho SHB.

#### 4. Các cam kết của nhà thầu :

- Cam kết của Nhà thầu về xuất xứ hàng hóa cung cấp, có đầy đủ CO/CQ;
- Cam kết đáp ứng phạm vi cung cấp, tiến độ triển khai, bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật sau khi ký hợp đồng;
- Đáp ứng các điều kiện thanh toán của SHB đưa ra;
- Cam kết hỗ trợ và bảo hành của nhà sản xuất đối với các thiết bị phần cứng cung cấp đáp ứng đúng và đầy đủ các yêu cầu do SHB đưa ra.

## V. Nghiệm thu, bàn giao, các cam kết

### 1. Bàn giao

Nhà thầu có trách nhiệm bàn giao các hạng mục chính sau :

- Toàn bộ hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong HSMT;
- Lập Biên bản giao nhận hàng hóa về số lượng, chủng loại, cấu hình, xuất xứ của hàng hóa;
- Các tài liệu theo quy định của SH
- Các nội dung khác có liên quan.

### 2. Nghiệm thu

Quá trình nghiệm thu thực hiện qua các giai đoạn sau :

- **Nghiệm thu sơ bộ:** sau khi nhà thầu đã hoàn thành việc lắp đặt thiết bị, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số hệ thống đáp ứng yêu cầu kỹ thuật nêu tại Mục B - Chương VI.
- **Nghiệm thu tổng thể:** sau khi hệ thống được đưa vào vận hành chính thức, đáp ứng đúng, đầy đủ các yêu cầu của SHB và được SHB xác nhận bằng các biên bản bàn giao, kiểm tra, nghiệm thu trong từng giai đoạn triển khai, tích hợp, đào tạo, chuyển giao công nghệ  
....

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

